

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị Hà.

Ông: Nguyễn Như Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06b/2026/QĐST ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q năm 1993.

Nơi cư trú: Xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An

Vắng mặt - Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An. Hiện đang làm việc tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị Nguyễn Thị Q1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 09/02/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nay là xã N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác

nhau, vợ chồng không cùng chí hướng trong xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Từ ngày anh T1 khẩu lao động sang Nhật Bản, vợ chồng không những xa cách về mặt địa lý mà anh T còn không liên hệ với vợ, con nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn T2

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Văn Q2 Bsinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Thị Ngọc L ngày 27/7/2020. Khi anh T xuất khẩu lao động thì con sống với chị. Để không bị xáo trộn trong cuộc sống cũng như học tập của con thì ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi con trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản liên quan cho anh T thông qua ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L1 là bố, mẹ của anh Nguyễn Văn T; thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật, nhưng hiện anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt và cũng không có lý do. Theo trình bày của bà L1 thì anh T hiện đang đi làm ăn ở Nhật Bản, có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói địa chỉ hiện tại của anh T ở đâu. Anh T biết việc chị Q làm đơn ly hôn tại Tòa án tuy nhiên không níu kéo tình cảm vợ chồng, chị Q3 cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Theo kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 944/CAX-AN ngày 20/11/2025 của Công an xã N1, tỉnh Nghệ An: Anh Nguyễn Văn T có thông tin xuất cảnh ngày gần nhất là ngày 20/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Biên bản xác minh tại xóm trưởng xóm T, xã N, tỉnh Nghệ An về tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn T được cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2012, Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh T một thời gian thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Việc anh T3 chị Q có xảy ra mâu thuẫn không thì chính quyền địa phương không nắm bắt được. Chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung: Nguyễn Văn Q2 Bsinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Thị Ngọc L ngày 27/7/2020. Hai cháu hiện tại sinh sống với chị Q tại xã N, N cháu học hành và phát triển bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp. Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thủ tục tố tụng đảm bảo

quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 28, 35, 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q1 ly hôn anh Nguyễn Văn T2 Về nuôi con chung: Giao 02 con chung: Nguyễn Văn Q2 Bsinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Thị Ngọc L ngày 27/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Q1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T4 chị Q không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã N (xã N cũ), tỉnh Nghệ An; anh T hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T vắng mặt, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh T thông qua người thân là bố, mẹ của anh T, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bố, mẹ anh T là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Phạm Thị L1 cho biết anh T đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nhưng anh T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài cung cấp cho ông, bà nên ông, bà không có địa chỉ của anh T cung cấp cho Tòa án. Nhưng ông, bà thông báo cho anh T biết việc chị Q làm đơn ly hôn tại Tòa án thì anh T5 ý. Kết quả xác minh tại Cục Q6 Nguyễn Văn T có thông tin xuất cảnh ngày 20/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Q4 mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 09/02/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nay là xã N, tỉnh Nghệ An đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của ông Nguyễn Văn Đ2 bà Phạm Thị L1 (bố, mẹ đẻ của bị đơn) có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Q, anh T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có sự chia sẻ và quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng sống xa cách nhau trong thời gian dài, bỏ mặc nhau. Chị Q xác định vợ chồng không còn tình cảm và có nguyện vọng ly hôn. Anh T không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nhưng thân nhân của anh T khẳng định anh T6 níu kéo tình cảm vợ, chồng và đồng ý ly hôn. Việc vợ chồng không sống chung với nhau, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q1 được ly hôn anh Nguyễn Văn T2

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Văn Q2 Bsinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Thị Ngọc L ngày 27/7/2020, hiện hai con đang sinh sống với chị Q, các cháu học tập và phát triển bình thường. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Văn Quốc B được tiếp tục sinh sống với chị Q5 Anh T hiện nay đang làm việc tại nước ngoài chưa có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con chung nên để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu cần giao cho chị Nguyễn Thị Q1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; anh T không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện vụ án về yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q1 chưa yêu cầu giải quyết và anh Nguyễn Văn T cũng chưa có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn T2

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Văn Q2 Bsinh ngày 25/11/2013 và Nguyễn Thị Ngọc L ngày 27/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Q1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn T4 chị Nguyễn Thị Q1 không yêu cầu. Khi có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, các bên có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện vụ án về yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Hội đồng xét xử không xem xét do các đương sự không yêu cầu. Khi có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002959 ngày 19/11/2025. Chị Nguyễn Thị Q1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn như sau: Chị Nguyễn Thị Q1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn T

đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 5, Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 5, Nghệ An;
- UBND xã Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Anh

